

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Dũng.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-DS ngày 17/5/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-DS ngày 06/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà L, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bà T có mở một số dây hui để các thành viên tham gia, trong đó có bà L; bà L tham gia một số phần hui và đến khi mãn hui còn nợ lại như sau:

Dây thứ nhất: Dây hui mở ngày 29/11/2016, hui 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có 30 phần hui (chưng hui), trong đó bà L tham gia 02 phần. Cả hai phần hui bà L đều đã hót, đến khi mãn hui ngày 29/5/2019 bà L còn nợ dây hui này

là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Dây thứ hai: Dây hụi mở ngày 25/11/2017, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, có 36 phần, trong đó bà L tham gia 02 phần. Cả hai phần hụi này bà L đều đã hốt, đến khi mãn hụi ngày 10/5/2019 bà L còn thiếu tiền hụi chết là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Dây thứ ba: Dây hụi mở ngày 15/9/2017, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, có 32 phần, trong đó bà L tham gia 02 phần. Cả hai phần hụi này bà L đều đã hốt, đến khi mãn hụi ngày 30/12/2018 bà L còn thiếu tiền hụi chết là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Dây thứ tư: Dây hụi mở ngày 05/4/2018, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 35 phần, trong đó bà L tham gia 04 phần. Trong 04 phần hụi này bà L hốt 02 phần, mỗi phần còn nợ hụi chết 26 lần, 02 phần là 52 lần bằng số tiền nợ là 104.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 10/10/2018, do các hụi viên hốt hụi không đóng hụi chết nên bà T đình hụi. Hai phần hụi sống của bà L còn được 36.000.000 đồng. Như vậy trong dây hụi này trừ số tiền hụi sống và hụi chết thì bà L còn nợ 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Dây thứ năm: Dây hụi mở ngày 30/9/2018, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, có 31 phần, trong đó bà L tham gia 03 phần. Dây hụi này chỉ khui được 04 lần thì đình hụi, tiền hụi của bà L dây này được 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Như vậy tổng cộng 05 dây hụi bà L nợ 140.000.000 đồng, trừ đi số hụi bà L đóng của mấy dây đình hụi là 48.000.000 đồng. Bà L còn nợ 92.000.000 đồng. Khi làm đơn đến chính quyền giải quyết bà L thừa nhận số nợ và trả được 22.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng bà L hứa mỗi tháng trả 8.000.000 đồng nhưng bà L không thực hiện. Yêu cầu bà L trả số nợ còn lại là 70.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định từ ngày 10/10/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa bà T trình bày: Do tiền lãi không biết tính thế nào, phân ra từng giai đoạn rất phức tạp nên thay đổi yêu cầu, không yêu cầu trả tiền lãi nữa mà chỉ yêu cầu bà L trả số nợ còn lại là 70.000.000 đồng.

** Bị đơn là bà L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền,

nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà L trả cho bà T số tiền hui là 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà L đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, sau đó bà T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T và bà L có hợp đồng góp hui (bà T là chủ hui; bà L là thành viên), nay có tranh chấp bà T yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”*.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T có làm chủ hui để các thành viên tham gia góp hui, trong đó có bà L là thành viên. Trong quá trình chơi hui bà L có tham gia 05 dây. Các dây hui đều đã mãn, tổng kết các dây hui thì bà L còn nợ bà T số tiền 92.000.000 đồng. Nhưng bà L không trả nợ nên bà T yêu cầu chính quyền giải quyết. Ngày 13/3/2019 chính quyền ấp T, xã N có tổ chức hòa giải và các bên thống nhất số tiền bà L còn thiếu bà T là 92.000.000 đồng. Đồng thời thỏa thuận ngày 15/02/2019 âm lịch bà L trả 22.000.000 đồng, phần còn lại mỗi tháng trả 8.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Nhưng bà L chỉ thực hiện trả nợ 22.000.000 đồng, sau đó không trả phần còn lại là 70.000.000 đồng.

Bà L còn nợ bà T số tiền 70.000.000 đồng, các bên đồng ý và thỏa thuận tại phiên hòa giải của ấp T (bà T có cung cấp biên bản hòa giải). Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

[3] Theo biên bản xác minh thì do bà T nợ tiền mua tôm của bà L chưa trả nên bà L không trả tiền hui cho bà T. Việc này bà L không trình bày tại tòa, không có đơn yêu cầu phản tố và không hợp tác nên Tòa án không có điều kiện cho các bên thương lượng. Đến thời điểm xét xử bà L cũng không có ý kiến gì và cố tình

vắng mặt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, nếu có tranh chấp bà L có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà T và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở nên buộc bà L trả cho bà T số tiền nợ hui còn lại là 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi, bà T đã thay đổi yêu cầu tại phiên tòa, chỉ yêu cầu trả tiền hui 70.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi nên không xét.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà L phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về “*họ, hui, biểu, phurong*”; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà T đối với bà L. Buộc bà L trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà L còn phải trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm: Bà L chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận